

Số: /QĐ-SYT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với
Điểm trạm Y tế Kiền Bái, Trạm Y tế phường Lê Hồng Phong
(thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên)**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 10/06/2025 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 610/QĐ-SYT ngày 07/05/2025 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Điểm trạm Y tế Kiền Bái, Trạm Y tế phường Lê Hồng Phong (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên);

- Địa chỉ: Tổ Dân Phố 4 (khu vực Kiền Bái), phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.
- Số GPMD: 000852/HP-GPMD do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Y sỹ Bùi Mạnh Nhật
- Số CCHN: 010874/HP-CCHN do Sở Y tế Hải Phòng cấp ngày 03/04/2019;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế

- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 80 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục 01 kèm theo*).

- Danh sách đăng ký hành nghề tại cơ sở (*chi tiết theo Phụ lục 02 kèm theo*).

Điểm trạm Y tế Kiền Bái, Trạm Y tế phường Lê Hồng Phong (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược tư nhân, Nghiệp vụ Y, Thanh tra Sở Y tế, Phòng Y tế thành phố Thủy Nguyên và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Điểm trạm Y tế Kiền Bái, Trạm Y tế phường Lê Hồng Phong (thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thủy Nguyên) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD và PGD Trần Quốc Trinh;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).

GIÁM ĐỐC

Lê Minh Quang

**PHỤ LỤC 01: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN TẠI ĐIỂM TRẠM Y TẾ KIỂM BÁC, TRẠM Y TẾ PHƯỜNG LÊ
HỒNG PHONG (THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ THỦY NGUYÊN)**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày tháng năm 2025 của Sở Y tế
Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
2	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
3	160	1.160	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang
4	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
5	218	1.218	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Rửa dạ dày cấp cứu
6	223	1.223	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Đặt ống thông hậu môn
7	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
8	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
9	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
10	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
11	277	1.277	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng
12	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
13	403	2.1	02. NỘI KHOA	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
14	413	2.11	02. NỘI KHOA	Chọc hút khí màng phổi
15	645	2.243	02. NỘI KHOA	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
16	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân
17	1226	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	1233	3.112	03. NHI KHOA	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn
19	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
20	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
21	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
22	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
23	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
24	5364	3.4246	03. NHI KHOA	Tháo bột các loại
25	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
26	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
27	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
28	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
29	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
30	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
31	6324	8.389	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên
32	6325	8.390	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới
33	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
34	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông
35	6330	8.395	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
36	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên
37	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
38	6333	8.398	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất
39	6335	8.400	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
40	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
41	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
42	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
43	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
44	6345	8.410	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
45	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
46	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
47	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
48	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
49	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
50	6355	8.420	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
51	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
52	6357	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
53	6358	8.423	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
54	6359	8.424	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
55	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
56	6362	8.427	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
57	6363	8.428	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
58	6364	8.429	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
59	6365	8.430	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
60	6366	8.431	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
61	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
62	6371	8.436	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt
63	6372	8.437	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
64	6373	8.438	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
65	6374	8.439	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
66	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
67	6384	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
68	13803	14.200	14. MẮT	Lấy dị vật kết mạc
69	13809	14.206	14. MẮT	Bơm rửa lệ đạo
70	13810	14.207	14. MẮT	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc
71	13814	14.211	14. MẮT	Rửa cùng đồ
72	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
73	13968	15.56	15. TAI MŨI HỌNG	Chọc hút dịch vành tai
74	13969	15.57	15. TAI MŨI HỌNG	Trích nhọt ống tai ngoài
75	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
76	14213	15.301	15. TAI MŨI HỌNG	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
77	14216	15.304	15. TAI MŨI HỌNG	Trích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
78	14741	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
79	14783	17.53	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Tập vận động có trợ giúp

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
80	16301	21.13	21. THĂM DÒ CHÚC NĂNG	Nghiệm pháp dây thắt

**PHỤ LỤC 02: PHÊ DUYỆT DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KHÁM
BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI ĐIỂM TRẠM Y TẾ KIỀM BÁI, TRẠM Y TẾ
PHƯỜNG LÊ HỒNG PHONG (THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ
THỦY NGUYÊN)**

STT	Họ và tên	Số giấy phép hành nghề/Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác	Ghi chú
1	Bùi Khánh Hoàn	000339/HP- GPHN	Y khoa	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Bác sỹ - Trạm Phó Phụ Trách Trạm		
2	Phạm Thị Miền	007421/HP- CCHN	Theo QĐ 41/2005/ QĐ – BNV ngạch điều dưỡng	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Nữ Hộ Sinh Trạm phó		
3	Đỗ Thị Yến	001224/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Y Sỹ YHCT		
4	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	006083/HP- CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KCN thông thường theo quy định số 10/2015/TTLT - BYT – BNV ngày 27/05/2015 của BYT , BNV quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, y sỹ	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2- thứ 6) và trực theo phân công	Y sỹ		
5	Bùi Mạnh Nhật	010874/HP- CCHN	Tham gia sơ cứu ban đầu KCN thông thường theo	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/ tuần (thứ 2-	Y Sỹ - Người chịu trách nhiệm		

			quy định số 10/2015/TTLT - BHYT – BNV ngày 27/05/2015 của BHYT , BNV quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh, nghề nghiệp, bác sỹ, bác sỹ dự phòng, y sỹ	thứ 6) và trực theo phân công	chuyên môn		
6	Trần Thị Lệ	0008285/H D-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của điều dưỡng theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT - BHYT - BNV	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		
7	Nguyễn Thị Mai Phương	006621/HP - CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TT LT – BHYT – BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.	8h/ngày (từ 7 giờ đến 17 giờ), 5 ngày/tuần (thứ 2-thứ 6) và trực theo phân công	Điều dưỡng		